TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 12 – 2025
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 326/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Minh Tr, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân ANA, xã TAK, tỉnh CM

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/11/2025)

Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã ĐD, tỉnh CM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 – 10 – 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Minh Tr trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông và bà M chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy đời sống vợ chồng

giữa ông và bà M không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Toa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa ông và bà M có 02 người con chung gồm Phạm Tấn Đ, sinh ngày 01/01/2000 và Phạm Công D, sinh ngày 04/7/2005, hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà M tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà M không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/11/2025 bà Trần Thị M trình bày:

Bà tên là Trần Thị M, không phải là Trần Thuý Niềm như trong đơn khởi kiện, bà đã chuyển khẩu và về sinh sống tại Ấp TT, xã ĐDi, tỉnh CM hơn một năm nay.

Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Tr, bà và ông Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Năm 2013 giữa bà và ông Tr phát sinh mâu thuẫn nên bà về nhà cha mẹ ruột của bà ở cho đến nay. Nay hôn nhân giữa bà và ông Tr không thể tiếp tục nên bà đồng ý ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Tr có 02 người con chung gồm Phạm Tấn Đ, sinh ngày 01/01/2000 và Phạm Công D, sinh ngày 04/7/2005, hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Tr tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Tr không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Phạm Minh Tr và bà Trần Thị M là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị M có địa chỉ tại Ấp TT, xã ĐD, tỉnh CM nên Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ông Tr có mặt, bà Trần Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án

nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử vắng mặt đối với bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Minh Tr và bà Trần Thị M đều thống nhất xác định ông Tr và bà M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Phạm Minh Tr và bà Trần Thị M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Phạm Minh Tr và bà Trần Thị M thống nhất xác định có 02 người con chung gồm Phạm Tấn Đ, sinh ngày 01/01/2000 và Phạm Công D, sinh ngày 04/7/2005, hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên ông Tr và bà M không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Phạm Minh Tr và bà Trần Thị M thống nhất tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Phạm Minh Tr và bà Trần Thị M thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Phạm Minh Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Minh Tr và bà Trần Thị M là vợ chồng.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Minh Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003529 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, ông Tường đã nộp đủ. Bà Trần Thị M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Án xử sơ thẩm công khai ông Phạm Minh Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Trí **Nguyễn Quốc Trung** **Nguyễn Văn Đệ**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 02 năm 2025

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Trí

Ông Nguyễn Quốc Trung

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 686/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 Về việc "Ly hôn" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Tường, sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Tạo, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Nhiển, sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú: Ấp Long Quới 2, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về Điều luật căn cứ:

Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn Tường và bà Phạm Thị Nhiển là vợ chồng.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Các vấn đề khác:

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Tường phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018940 ngày 27/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước ông Tường đã nộp đủ. Bà Phạm Thị Nhiển không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai ông Nguyễn Văn Tường và bà Phạm Thị Nhiển có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 50 phút, ngày 11 tháng 02 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Trí **Nguyễn Quốc Trung** **Nguyễn Văn Đệ**